

ĐẨY MẠNH LIÊN KẾT VÙNG, ĐƯA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THÀNH VÙNG PHÁT TRIỂN NĂNG ĐỘNG VỀ KINH TẾ

NGUYỄN PHONG QUANG*

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001 - 2010”, kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã có bước phát triển mạnh mẽ, đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện, quốc phòng, an ninh được giữ vững. Một trong những yêu cầu đặt ra để đưa ĐBSCL trở thành vùng phát triển năng động về kinh tế của cả nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế là phải tăng cường liên kết vùng.

Thành tựu sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị

Qua 10 năm (2001 - 2010) thực hiện Nghị quyết số 21 của Bộ Chính trị, tốc độ tăng GDP của toàn vùng ĐBSCL từ 7% lên 11,7%; giá trị sản xuất năm 2010 đạt 336.924 tỉ đồng, tăng gấp 3,5 lần so với năm 2001; xuất khẩu hàng năm đều tăng, riêng năm 2010 giá trị đạt trên 6 tỉ USD; thu nhập bình quân đầu người năm 2010 tăng gấp 2,5 lần; thu ngân sách đạt 28.101 tỉ đồng, tăng gấp 6 lần so với năm 2001.

Nông, lâm, ngư nghiệp phát triển khá toàn diện. Mặc dù diện tích đất nông nghiệp có giảm nhưng giá trị và sản lượng nông nghiệp tăng liên tục qua các năm (từ 16 triệu tấn lên 21,6 triệu tấn); hằng năm, toàn vùng xuất khẩu trên 6 triệu tấn gạo, đạt kim ngạch trên 3 tỉ USD. Diện tích nuôi trồng thủy sản tăng lên 736.000 ha với sản lượng 1,9 triệu tấn.

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng liên tục trong các năm, đến năm 2010 đạt 156.000 tỉ đồng. Các địa phương có lợi thế phát triển công nghiệp như: khí, điện, đạm, hóa chất, được tập trung đầu tư. Toàn vùng đã thành lập mới 11 khu công nghiệp, thu hút được 225 dự án, tổng vốn đăng ký trên 2.650 tỉ đồng và 616 triệu USD, góp phần giải quyết việc làm cho trên 70.000 lao động.

Thương mại, dịch vụ phát triển mạnh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân 20%/năm; toàn vùng hiện có 1.790 chợ, trong đó có 16 chợ đầu mối, 61 siêu thị, 6 trung tâm thương mại. Tổng kim ngạch xuất khẩu cả thời kỳ đạt bình quân 4,6 tỉ USD/năm.

Hạ tầng giao thông, thủy lợi có bước phát triển. Nhiều công trình lớn, như cảng hàng không quốc tế Cần Thơ, cầu Cần Thơ, cầu

* Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ

Rạch Miễu, cầu Hàm Luông, cầu Mỹ Thuận, tuyến đường N1, N2, đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, đường Nam sông Hậu, Quản lộ Phụng Hiệp, đường nối Cần Thơ - Hậu Giang đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đến nay, toàn vùng đã hình thành mạng lưới giao thông rộng khắp, liên hoàn và mang tính liên kết vùng cao. Hệ thống thủy lợi gắn với xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ được hoàn thành và đưa vào sử dụng đã mang lại hiệu quả thiết thực trên nhiều mặt.

Giáo dục - đào tạo và dạy nghề là khâu có nhiều đột phá. Đến nay, đã thành lập mới và nâng cấp, mở rộng nhiều trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo nghề. Các địa phương có đông đồng bào dân tộc Khmer đều có trường dân tộc nội trú.

Công tác đền ơn đáp nghĩa, xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội được quan tâm đúng mức. Toàn vùng đã xây được trên 100.000 căn nhà tình nghĩa, tình thương, đại đoàn kết và nhà nghĩa tình đồng đội. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 14,18% năm 2000 xuống còn 10,32% vào cuối năm 2010. Hằng năm, trên 375.000 lao động được giải quyết việc làm. Trên 87% số hộ nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, ĐBSCL vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém, đó là:

Kinh tế vùng phát triển thiếu bền vững. Nông nghiệp là thế mạnh nhưng chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế. Sản xuất nông nghiệp với quy mô còn nhỏ, rủi ro cao, luôn bị thách thức, đe dọa bởi nhiều yếu tố, nhất là tác động do biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Các mặt hàng nông sản chủ lực chưa tạo được thương hiệu và kém sức cạnh tranh. Quy mô công nghiệp nhỏ, giá trị sản xuất thấp, chủ yếu là công nghiệp địa phương; công nghiệp công nghệ cao chậm phát triển.

Hạ tầng giao thông, thủy lợi, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, xóa đói, giảm nghèo

và giải quyết việc làm chưa ngang bằng với các vùng, miền khác. Một số công trình trọng điểm về giao thông được xác định trong Nghị quyết số 21 chậm được triển khai xây dựng; hệ thống đê bao phòng, chống lũ chưa vững chắc. Chất lượng giáo dục - đào tạo và dạy nghề, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, còn thấp.

Xây dựng đồng bằng sông Cửu Long thành vùng phát triển kinh tế năng động

Từ những thành tựu đã đạt được cũng như những hạn chế, yếu kém trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

- Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định đúng tiềm năng, lợi thế cũng như những hạn chế, yếu kém của vùng ĐBSCL, từ đó phát huy sức mạnh tổng hợp, tập trung giải quyết đồng bộ cả về chính trị, tư tưởng, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng; đẩy mạnh phát triển kinh tế gắn với chăm lo giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc, thực hiện tốt chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

- Lĩnh vực trọng tâm, khâu đột phá nhằm giải quyết vấn đề bức xúc của vùng là phát triển hạ tầng giao thông, thủy lợi, giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chăm lo cho hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, giữ vững ổn định chính trị vùng Tây Nam Bộ.

- Phát huy tốt việc sử dụng các nguồn đầu tư từ Trung ương kết hợp với huy động đầu tư toàn xã hội, lồng ghép các chương trình, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho đầu tư phát triển.

- Sự chỉ đạo kiên quyết, sáng tạo, có trọng tâm, trọng điểm của Chính phủ, các bộ, ban, ngành Trung ương; cấp ủy, chính quyền các địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 21. Phát huy vai trò tích

cực của Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ trong việc làm đầu mối phối hợp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, tham mưu, đề xuất và tăng cường các hoạt động liên kết vùng.

Những năm tới, vùng ĐBSCL có thời cơ phát triển nhanh hơn để rút ngắn khoảng cách so với các vùng, miền khác. Song, thách thức và khó khăn cũng không nhỏ do kinh tế vùng phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; thời tiết diễn biến bất thường tác động bất lợi đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Trong bối cảnh đó, mục tiêu chủ yếu phát triển vùng ĐBSCL giai đoạn 2011 - 2020 được xác định là:

- Xây dựng vùng ĐBSCL tiếp tục là vùng trọng điểm nông nghiệp, thủy sản, là một trong những trung tâm năng lượng của cả nước. Trên cơ sở đó, tập trung xây dựng vùng ĐBSCL trở thành vùng phát triển năng động về kinh tế, văn hóa, xã hội tiến kịp mặt bằng chung của cả nước; đóng góp ngày càng lớn vào sự phát triển kinh tế của cả nước. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và nguy cơ nước biển dâng; tập trung xây dựng nông thôn mới.

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm giai đoạn 2011 - 2015 của vùng ĐBSCL đạt 11,5% - 12,5%, đến năm 2020 đạt 13% - 14%; nông nghiệp phát triển toàn diện và từng bước hiện đại, đưa tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP giảm còn 32% - 30%; công nghiệp phát triển hợp lý, phù hợp với sự phát triển của vùng, nâng tỷ trọng công nghiệp và xây dựng tăng lên 32% - 33%; thương mại, dịch vụ và du lịch phát triển nhanh, đưa tỷ trọng khu vực dịch vụ tăng lên 36% - 37%. Thu nhập GDP bình quân đầu người phân đầu đến năm 2015 đạt khoảng 50 triệu đồng (tương đương 2.130 USD) và đến năm 2020 đạt khoảng 70 triệu đồng (tương đương 3.200 USD).

- Gắn tăng trưởng kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu, nghèo giữa các tầng lớp dân cư. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long để phát triển bền vững

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay và qua quá trình thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị, một trong những vấn đề đang được quan tâm là phải đẩy mạnh và nâng cao hơn nữa hiệu quả của liên kết vùng ĐBSCL. Những yêu cầu bức xúc đang đặt ra là liên kết cái gì? Liên kết như thế nào? Ai thực hiện? Cần cơ chế và điều kiện gì để thực hiện liên kết phát triển bền vững? Những vấn đề này cần được thống nhất và triển khai đồng bộ với cơ chế chỉ huy, vận hành hiệu quả là yêu cầu quan trọng.

Thời gian qua, các bộ, ban, ngành Trung ương và các tỉnh, thành trong vùng ĐBSCL đã bước đầu thực hiện liên kết trong quy hoạch vùng, như: quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch cấp nước vùng ĐBSCL; phê duyệt và thực hiện các đề án: phát triển du lịch vùng đến năm 2020, đề án phát triển thủy sản; đầu tư có trọng điểm các chương trình hạ tầng giao thông, thủy lợi, giáo dục, đào tạo và dạy nghề, xây dựng cụm, tuyến dân cư vùng ngập lũ.

Từ kết quả phát triển sản xuất, kinh doanh trong nhiều thập niên qua và những điều kiện tự nhiên của vùng ĐBSCL, có thể xác định một số sản phẩm mũi nhọn, tạo điều kiện hình thành và phát triển một số cụm liên kết tiềm năng của vùng. Đó là lúa gạo, cây ăn trái, thủy sản và liên kết vùng trong đào tạo nghề cho nông dân để phát triển sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm này. Thực hiện liên kết vùng từ khâu quy hoạch, chỉ đạo thực hiện quy hoạch, sử dụng các nguồn lực đầu tư, ứng dụng tiến bộ khoa học từ khâu lai tạo, chọn giống, tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ lúa gạo, thủy sản, trái cây.

Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ cùng với trường Đại học Cần Thơ, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long và Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam phối hợp với các bộ, ngành liên quan và 13 tỉnh, thành trong vùng đã xây dựng “Đề án liên kết vùng ĐBSCL trong

nông nghiệp, nông dân, nông thôn” với 5 dự án sản xuất và tiêu thụ: (1) Lúa gạo; (2) Cây ăn trái; (3) Thủy sản: tôm, cá tra; (4) Đào tạo nghề cho nông dân phát triển sản xuất và tiêu thụ 3 sản phẩm chủ lực là lúa gạo, trái cây, thủy sản; (5) Cơ chế, tổ chức và chính sách để phát triển các sản phẩm chủ lực và đào tạo nghề cho nông dân ĐBSCL.

Thủ tướng Chính phủ đã thống nhất chủ trương khuyến khích việc liên kết vùng ĐBSCL, bảo đảm gắn kết sự phát triển của từng lĩnh vực, từng địa phương với phát triển của toàn vùng, nhằm phát huy lợi thế, hiệu quả đầu tư của từng địa phương, từng lĩnh vực. Song, cần tiếp tục quán triệt, chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ, sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả. Ban Chỉ đạo điều phối “Đề án liên kết vùng ĐBSCL trong nông nghiệp, nông dân, nông thôn” đang trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Đề án, phân bổ nguồn lực, tổ chức huy động các nguồn đầu tư, hình thành cơ chế tổ chức, vận hành Đề án một cách hiệu quả. Thực tiễn đang cần một cơ chế pháp lý rõ ràng trong liên kết, chỉ huy và phối hợp các nguồn lực phát triển, cơ chế quản trị cấp vùng.

Với yêu cầu đó, cần chú trọng một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, liên kết vùng ĐBSCL là đòi hỏi cấp bách từ thực tiễn sôi động của vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp lớn nhất nước, từ lực lượng nông dân đông đảo nhất và có trình độ sản xuất hàng hóa nông nghiệp cao. Chủ trương liên kết vùng đòi hỏi một cơ chế pháp lý rõ ràng và mạnh mẽ hơn là sự “khuyến khích” hay các hình thức ký kết hợp tác lỏng lẻo giữa chính quyền các tỉnh, thành với nhau thời gian qua. Liên kết vùng cần gắn với quá trình xây dựng nông thôn mới ở ĐBSCL và tiếp tục thực hiện “liên kết bốn nhà”.

Thứ hai, tiếp tục nghiên cứu hình thành tổ chức quản trị - điều hành cấp vùng, đủ năng lực đảm đương và điều tiết các nhu cầu cấp vùng. Trước mắt, cần nghiên cứu, hoàn thiện mô hình hoạt động của Ban Chỉ đạo điều phối

vùng kinh tế trọng điểm để thử nghiệm cho Chương trình liên kết vùng ĐBSCL.

Thứ ba, đề nghị Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách đặc thù thu hút đầu tư vào 3 sản phẩm mũi nhọn của vùng ĐBSCL là: lúa gạo, cây ăn trái và thủy sản; tập trung hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế, khai thông các kênh tín dụng và đào tạo nguồn nhân lực để phát triển các sản phẩm mũi nhọn này.

Thứ tư, tăng cường các hình thức liên kết, hợp tác theo nhu cầu và thực chất hơn so với các hình thức ký kết hợp tác kinh tế giữa chính quyền các tỉnh, thành trong vùng với nhau và với Thành phố Hồ Chí Minh thời gian qua (chủ yếu mang tính cam kết, còn nặng hình thức và theo phong trào). Phát huy hơn nữa kết quả của Diễn đàn hợp tác Kinh tế ĐBSCL đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và tiến hành hằng năm để tập hợp ý kiến của các nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, từ đó kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xây dựng và ban hành khung pháp lý cho liên kết vùng ĐBSCL đạt hiệu quả cao nhất.

Đã đến lúc các tỉnh, thành ĐBSCL phải cùng nhau liên kết xây dựng những chiến lược phát triển kinh tế vì lợi ích chung để tập hợp sức mạnh, phát huy các lợi thế so sánh của toàn vùng như: nguồn tài nguyên nông nghiệp phong phú, tài nguyên du lịch đa dạng, đặc sắc, nguồn nhân lực dồi dào. Một trong những yếu tố cơ bản để liên kết vùng thành công là ĐBSCL xây dựng những cơ chế liên kết hữu hiệu và khung pháp lý đặc thù; đồng thời có một cơ quan cầm trịch đủ tầm, giữ vai trò “nhạc trưởng”, với trách nhiệm tập hợp, điều phối, cung cấp thông tin về kinh tế - xã hội, tiềm năng, lợi thế, nhu cầu thu hút đầu tư phát triển, các chương trình, dự án... của toàn vùng. Chỉ có liên kết, hợp tác chặt chẽ giữa các tỉnh, thành trong vùng ĐBSCL với nhau, giữa ĐBSCL với Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương, các vùng khác trong cả nước, mới có thể tạo ra luồng sinh khí mới đầy triển vọng, tạo đà cho ĐBSCL phát triển nhanh, mạnh và bền vững. □